

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
SONG HONG GARMENT JOINT STOCK COMPANY



01

GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

RỦI RO

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần May Sông Hồng
Tên Tiếng Anh	Song Hong Garment Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Mã số doanh nghiệp: 0600333307 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004.
Vốn điều lệ	500.094.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.094.000.000 đồng
Mã cổ phiếu	MSH
Địa chỉ	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
Số điện thoại	+84 2283 649365
Số fax	+84 2283 646737
Website	https://www.songhong.vn/

GIỚI THIỆU CHUNG

Công Ty Cổ phần May Sông Hồng là một trong những nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và chăn ga gối đệm **lớn hàng đầu Việt Nam**.

Với hơn 20 xưởng sản xuất được xây dựng và quản lý tập trung trong phạm vi tỉnh Nam Định, có lợi thế về vị trí địa lý gần sân bay, cảng biển, nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng, bộ máy quản lý am hiểu nghề, kết hợp với việc hợp tác với các chuyên viên nước ngoài có kinh nghiệm, công ty đã và đang trở thành đối tác tin cậy của rất nhiều thương hiệu thời trang nổi tiếng trên thế giới.



Tâm Nhìn

Sông Hồng mong muốn trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu.



Sứ Mệnh

Sông Hồng không ngừng tìm tòi định hướng phát triển chiến lược để phù hợp với xu thế cung ứng hàng dệt may thời trang trên thế giới và đầu tư thích ứng để bắt kịp và trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành.

“ Đối với chúng ta: Chỉ có những gì không thể làm được thì mới phải cam chịu, còn những gì có khả năng làm được mà không gắng sức làm tốt hơn, đẹp hơn thì mãi là điều hổ thẹn. ”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2019

May Sông Hồng lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2019 do Forbes bình chọn.

2018

Kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty.

Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE vào ngày 28/11 với tổng vốn điều lệ lên tới 476.280.000.000 đồng.

2016

Khu vực sản xuất Nghĩa Hưng đi vào hoạt động.

Công ty mở thêm 4 xưởng may tại huyện Nghĩa Hưng, nâng tổng số CBCNV lên gần 11.000 người với 18 xưởng may.

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ra mắt với thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng, Công ty đã thực hiện ra mắt dòng sản phẩm đệm bông tinh khiết thế hệ 2.

2015

Công ty khởi công dự án nhà máy tại Nghĩa Hưng.

2013

Kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty.

Công ty thành lập Xưởng may 14 tại Hải Hậu và di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối sang KCN Mỹ Trung - Nam Định.

2012

Công ty tiếp tục triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng VII tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may và Khu vực Sông Hồng VIII tại Khu công nghiệp Mỹ Trung để di chuyển khu vực sản xuất chăn ga gối ra khỏi nội thành.

2007

Công ty phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may.

2006

Công ty thành lập Văn phòng đại diện đặt tại Hồng Kông.

2004

Công ty được cổ phần hóa, chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng với số vốn điều lệ 12.000.000.000 đồng.

Công ty đầu tư phát triển Khu vực Sông Hồng III tại Quốc lộ 10, Tp. Nam Định.

2001

Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ 105 Nguyễn Đức Thuận, Tp. Nam Định, phát triển thành 3 xưởng may.

Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.

1997

Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào Công ty May Sông Hồng và trở thành khu vực Sông Hồng II.

1993

Xí nghiệp May 1/7 được đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.

1988

Công ty Cổ phần May Sông Hồng được thành lập với tên gọi Xí nghiệp May 1/7.

MỘT SỐ DANH HIỆU NỔI BẬT

NĂM	DANH HIỆU VÀ CHỨNG NHẬN
2007 - 2019	Chứng nhận được sử dụng nhãn hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao bình chọn
2019	Chứng nhận Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2019 do tạp chí Forbes bình chọn
2006 - 2018	Chứng nhận ISO 9001:2008 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng
2018	Chứng nhận Top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018
2013	Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may Việt Nam Lần thứ VIII - VITAS (2010 - 2013)
2010	Sản phẩm Chăn ga gối đệm Sông Hồng tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn
2010	Sản phẩm Chăn Sông Hồng được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm tốt nhất năm 2010
2010	Đạt chứng chỉ WRAP



50
CÔNG TY
NIÊM YẾT TỐT NHẤT

Forbes ^{Vietnam}
2019

MAY SÔNG HỒNG
(MSH, HSX)
*Mới vào danh sách

LĨNH VỰC
Hàng tiêu dùng

DOANH THU
3.950 tỉ đồng

VỐN HOÁ
2.891 tỉ đồng



Hàng năm, **Forbes Việt Nam** - tạp chí kinh tế hàng đầu thế giới - tổ chức sự kiện vinh danh 50 công ty niêm yết tốt nhất. Tối ngày 15 tháng 8, trong khuôn khổ Diễn đàn kinh doanh 2019, Forbes Việt Nam đã công bố danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất 2019. **May Sông Hồng** đã sánh vai cùng các công ty hàng đầu cả nước vinh dự nhận giải thưởng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, các loại vật tư, thiết bị hàng hoá phục vụ cho sản xuất công nghiệp dệt may và kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh, tập trung vào 2 lĩnh vực: may xuất khẩu và nội địa.

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH:



MAY XUẤT KHẨU

May Sông Hồng là Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc với hoạt động chính là xuất khẩu cho các thương hiệu may mặc lớn trên thế giới. Hai phương thức xuất khẩu chính Công ty đang thực hiện là CMT (hàng gia công) và FOB (hàng xuất khẩu theo phương thức giao hàng lên tàu). Trong đó phân khúc FOB hiện đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.



MAY NỘI ĐỊA

Mặt hàng chủ lực của khu vực nội địa là nhóm sản phẩm chăn-ga-gối và đệm do Công ty dày công nghiên cứu, phát triển và được phân phối chủ yếu trên thị trường trong nước.

Nhóm sản phẩm Chăn - ga - gối

Dòng sản phẩm cao cấp sử dụng chất liệu vải nhập khẩu 100% cotton 250T với xu hướng màu hiện đại kết hợp những họa tiết và thiết kế tươi sáng, trẻ trung, phù hợp với cuộc sống đô thị và các gia đình trẻ.

Dòng sản phẩm truyền thống sử dụng chất liệu vải đa dạng như 100% Cotton 200T và TC 170T, mang nhiều ưu điểm về tính kinh tế, tiện dụng, mềm mại, bền chắc.

Dòng sản phẩm trẻ em là dòng sản phẩm chăn - ga - gối được thiết kế từ hình ảnh bản quyền Doraemon và Hello Kitty đáng yêu, rất êm ái và an toàn dành riêng cho trẻ em Việt Nam. Ruột bông của các sản phẩm chứa hạt nano bạc để diệt khuẩn, đảm bảo sự an toàn cho làn da nhạy cảm của các bé.

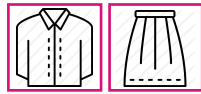
Nhóm sản phẩm đệm

Đệm tinh khiết thế hệ thứ 3 với các ưu điểm vượt trội như sử dụng bông 100% nguyên chất thân thiện với môi trường, lớp foam cao cấp tăng tính đàn hồi hỗ trợ lưng tạo cảm giác thư giãn, bền lâu theo thời gian, dễ vận chuyển, dễ vệ sinh, hình thức sang trọng.

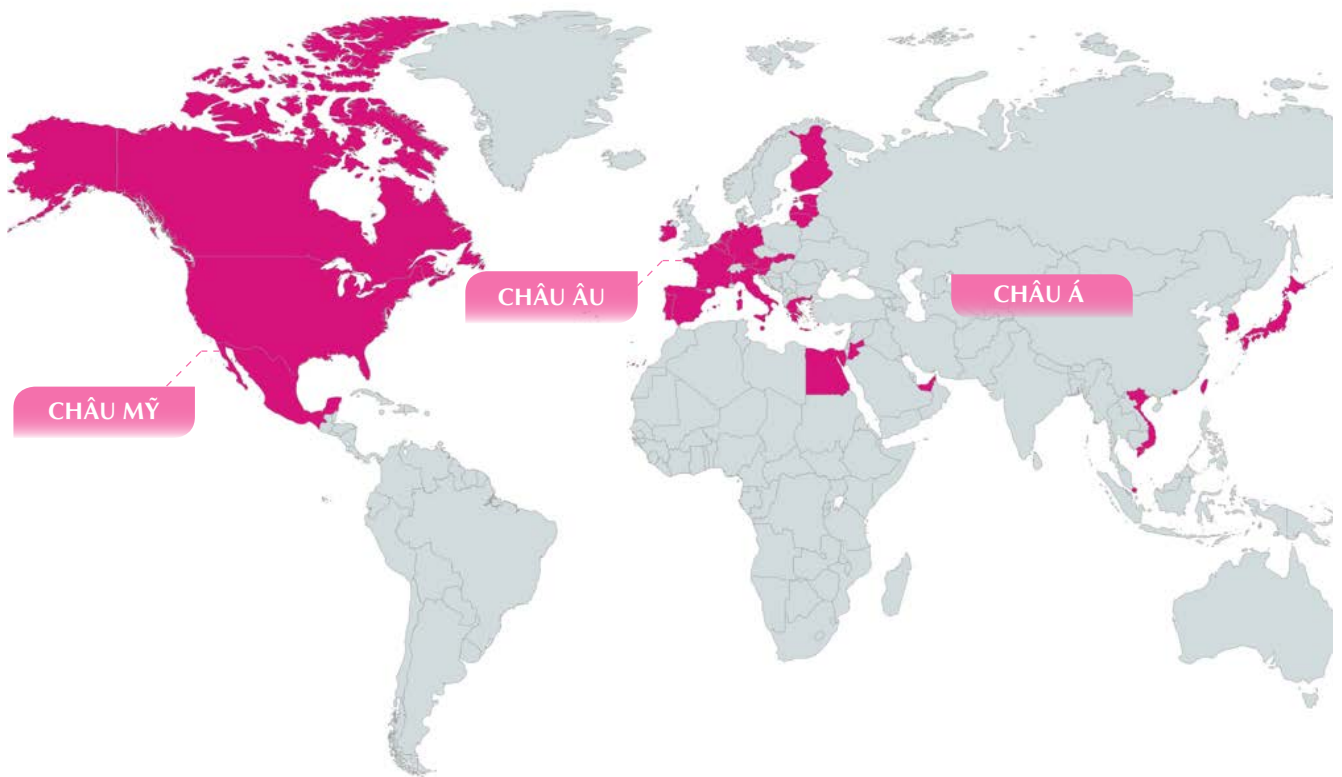


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản Phẩm May Mặc



Thị trường sản phẩm may mặc của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế. Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada, Mexico và các nước Trung Đông. Đến nay, **May Sông Hồng** đã trở thành nhà sản xuất uy tín của các hãng thời trang nổi tiếng nhờ năng lực sản xuất vượt trội.



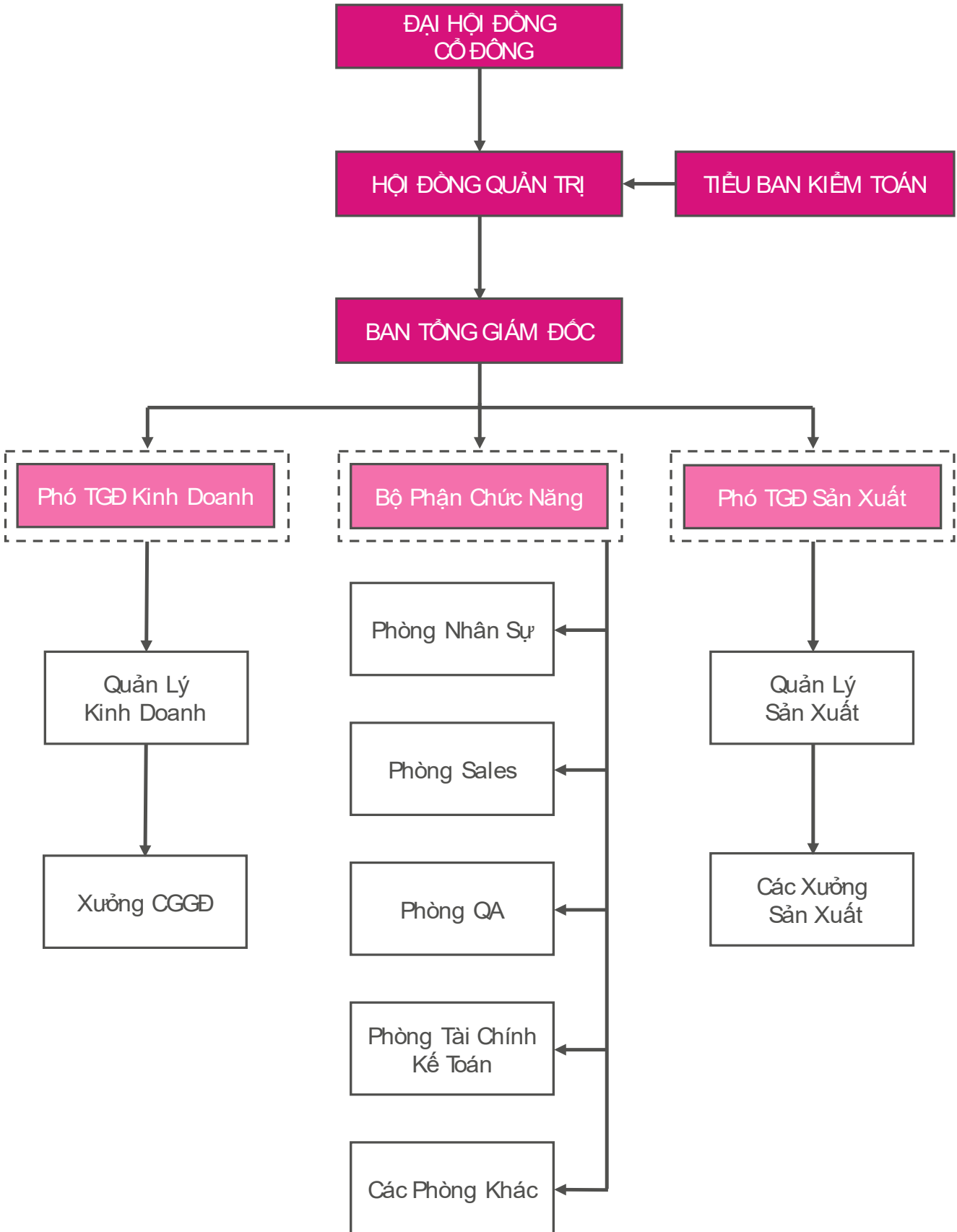
Chăn Ga Gối Đệm



Sản phẩm **Chăn Ga Gối Đệm** của Công ty hiện tại được **phân phối trên toàn quốc** thông qua hệ thống kênh phân phối là các Đại Lý với thương hiệu “Sông Hồng”. Hiện nay Công ty có **177 đại lý** phủ sóng khắp 49/63 tỉnh thành Việt Nam. Đặc biệt, từ năm 2016 ngoài cung cấp cho thị trường nội địa, sản phẩm chăn ga gối của Công ty đã đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào 2 thị trường khó tính là Nhật Bản và Hàn Quốc.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



DIỄN GIẢI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các số liệu BCTC hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có từ 3 tới 11 thành viên với nhiệm kỳ của từng thành viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ là cơ quan trực thuộc Hội Đồng Quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp. Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty. Các thành viên của Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc tài chính. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CON

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty CP May Sông Hồng có 01 công ty con và không có công ty liên kết.

CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CTCP MAY SÔNG HỒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG - NGHĨA HƯNG	Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định	Sản xuất hàng may mặc	150.000.000.000 đồng	76.500.000.000 đồng	 51%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển:

Trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may trên toàn cầu.

Định hướng phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty, các định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và nhằm nâng cao vị thế của May Sông Hồng, Ban lãnh đạo định hướng phát triển như sau:

- Xác định nhóm sản phẩm May mặc giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các mảng phụ trợ như giặt, in, thêu, chần.
- Xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chính, trong đó dần chuyển dịch doanh thu hàng gia công sang hàng FOB, tìm cách cân bằng giữa các thị trường để tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ.
- Tăng năng lực sản xuất của khu vực hàng nội địa nhằm đẩy mạnh phục vụ thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân.

Mục tiêu trong năm:

- Chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng năng lực nhóm sản phẩm may mặc xuất khẩu theo phương thức FOB trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp.
- Hoàn thành mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đề ra.
- Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.



Mục tiêu phát triển bền vững:

- Phát triển trình độ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.
- Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của nhân viên.
- Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.

RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Thị trường thế giới: Năm 2019, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc tại Việt Nam đồng thời đón nhận nhiều thách thức khác nhau. Một mặt, tăng trưởng kinh tế thế giới suy yếu cùng các tác động của thương chiến Mỹ - Trung đã khiến nhu cầu đối với các mặt hàng dệt may xuất khẩu sụt giảm. Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VISTA) và Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam tại các thị trường chính là Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc đều có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Cả năm, tổng kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam đạt 39,01 tỷ USD, tương đương tốc độ tăng trưởng chỉ bằng một nửa so với 2018, đạt 7,25%, và thấp hơn so với kế hoạch 40 tỷ USD đặt ra từ đầu năm. Trên thị trường nguồn cung, các bất ổn xã hội - thương mại tiếp tục leo thang khiến cho giá cả hàng hóa thế giới diễn biến phức tạp, nhìn chung có xu hướng gia tăng, gây bất lợi cho kế hoạch sản xuất và quản lý chi phí của các doanh nghiệp sản xuất.

Thị trường nội địa: So sánh với tình hình kinh tế thế giới có phần ảm đạm, diễn biến tích cực của nền kinh tế trong nước là điểm tựa hỗ trợ ngành phát triển. Theo báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019 của Tổng cục Thống kê, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP đạt 7,02%, vượt kế hoạch do Chính phủ đề ra ở mức 6,6%-6,8%. Trong khi đó tỉ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhất trong vòng 3 năm, chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018. Kinh tế phát triển đã góp phần nâng cao thu nhập của người lao động và cải thiện sức mua của người tiêu dùng nội địa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dệt may mở rộng thị phần trong nước. Tuy nhiên, thách thức cũng đặt ra cho các doanh nghiệp để theo kịp tiêu chuẩn ngày càng cao và thị hiếu thay đổi của khách hàng. Bên cạnh đó, đứng trước các rủi ro về tình hình kinh tế - chính trị thế giới, tình hình nợ công Việt Nam còn cao, áp lực lạm phát, trong những năm tiếp theo tình hình kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và May Sông Hồng nói riêng.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tỷ giá: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu. Đối với CTCP May Sông Hồng, do thực hiện một số các giao dịch và khoản vay có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá giữa Việt Nam đồng và ngoại tệ tương ứng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tỷ giá VND/USD được duy trì ổn định kể từ đầu năm 2019 và đồng Nhân dân tệ suy yếu mạnh so với Việt Nam đồng và Đô la Mỹ, hàng may mặc Việt Nam nhận được lợi thế kếp trong thời gian gần đây khi có phần lớn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc và thành phẩm chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ và các quốc gia Châu Âu.

Rủi ro lãi suất: Công ty May Sông Hồng đối mặt với rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Giám đốc tài chính và Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất, cân đối nguồn thu ngoại tệ và tỷ lệ vay nợ ngoại tệ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất cách tốt nhất.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY

Lao động và quản lý nhân sự: Đặc thù của ngành dệt may là có tính thâm dụng lao động cao, trong đó, nhu cầu về nhân lực tập trung rõ nhất ở công đoạn gia công sản phẩm. Việc làm sao để thu hút và đào tạo được nguồn nhân lực có tay nghề, sẵn sàng cam kết lâu dài với doanh nghiệp vẫn luôn là bài toán đặt ra cho nhiều công ty may mặc Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh sự cạnh tranh về lao động trong ngành diễn ra ngày càng gay gắt. Trong khi các dấu hiệu thiếu hụt lao động đang trở nên rõ ràng thì áp lực gia tăng chi phí lao động và quản lý nhân sự là không thể tránh khỏi. Đặc biệt, các chi phí như tiền lương, bảo hiểm, phụ cấp nhân công tại Việt Nam đang có xu hướng tăng lên trong khi đơn giá sản xuất phải đảm bảo được tính cạnh tranh đang đặt ra yêu cầu cho các doanh nghiệp cần thiết phải gia tăng hiệu quả quản lý để phát triển lợi nhuận.

Nguyên vật liệu: Nút thắt cổ chai đối với ngành may mặc Việt Nam nằm ở chỗ quy mô ngành sợi, dệt nhuộm và các ngành công nghiệp phụ trợ không tương xứng với sự phát triển ngành may, do đó, nguồn cung nguyên liệu không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất cả về số lượng lẫn chất lượng. Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam vẫn là nguyên liệu nhập khẩu, với các nhà cung cấp lớn nhất chủ yếu đến từ Trung Quốc, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành trong công tác quản lý chi phí đầu vào cũng như tìm kiếm các nguồn cung thay thế. Do chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí của các công ty ngành may, bất kỳ biến động nào của giá nguyên liệu cũng sẽ có tác động rõ rệt đến biên lợi nhuận gộp và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Dệt may nói riêng. Đối với May Sông Hồng, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, May Sông Hồng còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp dệt may còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhân mác sinh thái, bảo vệ môi trường,...đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố,...là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2019

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc năm 2019, Công ty CP May Sông Hồng đã hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đề ra. Cụ thể, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 4.411,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 546,5 tỷ đồng, lần lượt vượt 2,6 % và 15,1% so với kế hoạch. So sánh với kết quả đạt được trong năm 2018 thì doanh thu thuần năm 2019 tăng trưởng gấp 1,1 lần và lợi nhuận trước thuế tăng 1,2 lần sau 1 năm.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019	% THỰC HIỆN 2019/ KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2018	% THỰC HIỆN 2019/ THỰC HIỆN 2018
Doanh thu thuần	4.300	4.411,3	102,6%	3.950,8	111,7%
Lợi nhuận trước thuế	475	546,5	115,1%	449,9	121,5%

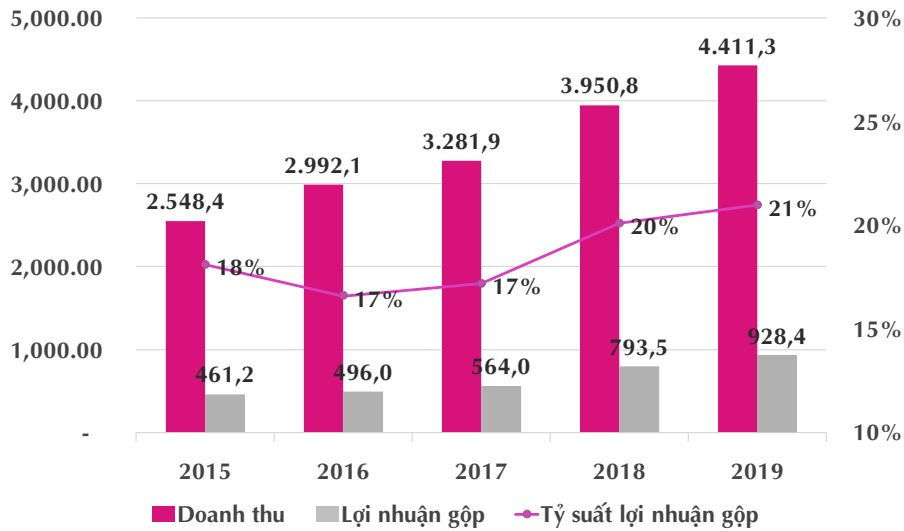
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2019	NĂM 2018	% TĂNG TRƯỞNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.411,3	3.950,8	11,7%
Giá vốn hàng bán	3.482,8	3.157,3	10,3%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	928,4	793,5	17,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	61,4	58,7	4,7%
Chi phí tài chính	28,7	45,8	-37,2%
Chi phí bán hàng	180,3	147,6	22,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	235,4	208,4	12,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	545,5	450,4	21,1%
Lợi nhuận trước thuế	546,5	449,9	21,5%
Lợi nhuận sau thuế	449,8	369,8	21,6%

Kết thúc năm 2019, Công ty CP May Sông Hồng ghi nhận 4.411,3 tỷ đồng trong doanh thu thuần và 928,4 tỷ đồng trong lợi nhuận gộp, lần lượt tăng 11,7% và 17,0% so với năm 2018. Giá vốn hàng bán được ghi nhận ở mức 3.482,8 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước, chiếm 79,0% cơ cấu doanh thu.

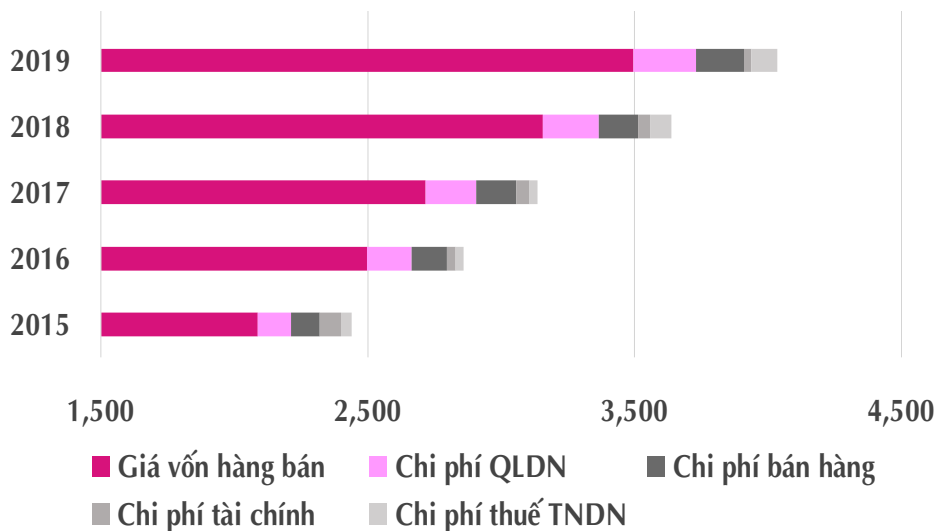
Bất chấp những tác động có phần tiêu cực từ diễn biến kinh tế Thế giới, doanh thu cả năm tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số kết hợp với việc kiểm soát tốt đà tăng của giá vốn hàng bán đã giúp Công ty CP May Sông Hồng thu về biên lợi nhuận gộp tương ứng 21%, cao nhất trong vòng 5 năm cũng như thuộc nhóm doanh nghiệp dẫn đầu ngành.



Biến động doanh thu - lợi nhuận gộp qua các năm
Đơn vị: Tỷ đồng

Năm 2019, Công ty ghi nhận 546,5 tỷ đồng trong Lợi nhuận trước thuế, tăng 21,5% so năm 2018. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng phát sinh trong năm lần lượt đạt 235,4 tỷ đồng và 180,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng tương ứng 5,3% và 4,1% trong cơ cấu doanh thu của Công ty CP May Sông Hồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng thường không quá lớn, chiếm tỷ trọng nhỏ so với doanh thu thuần và không có biến động mạnh qua các năm. Chi phí tài chính năm 2019 là 28,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể, tương ứng 0,7% trong doanh thu.

Kết thúc năm 2019, Công ty báo lãi lũy kế 449,8 tỷ đồng trong lợi nhuận sau thuế, tương ứng tốc độ tăng trưởng hàng năm 21,6% và tương đương tỷ suất lợi nhuận sau thuế là 10,2%. Các chỉ số sinh lợi khác là ROAA và ROEA lần lượt ở mức 17,62% và 41,47%. Nhìn chung, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cao hơn tăng trưởng lợi nhuận gộp và tăng trưởng doanh thu phản ánh tính hiệu quả của công tác kiểm soát các nhóm chi phí trong năm.



Biến động chi phí 2015-2019
Đơn vị: Tỷ đồng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2019, Ban Điều hành của Công ty không có sự thay đổi về nhân sự. Tính đến thời điểm 31/12/2019, Ban Điều hành của CTCP May Sông Hồng gồm 04 thành viên, cụ thể như sau:

**ÔNG
BÙI VIỆT QUANG**
Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Bùi Việt Quang hiện đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Ông Bùi Việt Quang đã có trên 15 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Ông là người có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng định hướng, hoàn thiện các chiến lược phát triển của Công ty.

**ÔNG
NGUYỄN MẠNH TƯỜNG**
Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Mạnh Tường hiện đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, và từng nắm nhiều chức vụ quản lý khác nhau tại Công ty.

**BÀ
LÊ THỊ HỒNG YẾN**
Thành viên HĐQT,
Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Bà Lê Hồng Yến đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài Chính Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Gần bó với May Sông Hồng từ những ngày đầu thành lập, Bà không chỉ được biết đến với trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững chắc, mà còn am hiểu rất rõ hệ thống tài chính - kế toán của Công ty.

**ÔNG
TRẦN CHÍ DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Trần Chí Dũng hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng. Trong thời gian làm việc tại May Sông Hồng, Ông đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển của thương hiệu chăn ga gối đệm Sông Hồng.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2019

Tóm tắt chính sách nhân sự

- **Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty:** Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.
- **Chính sách tuyển dụng nhân viên:** Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nơi công ty đóng trụ sở. Đối với nhân sự các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm công ty luôn “trải thảm đỏ” thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty. Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ.
- **Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:** Nhân sự mới được các đơn vị chuyên môn hỗ trợ và hướng dẫn để hòa nhập và bắt nhịp công việc. Những người chưa biết nghề được hướng dẫn học nghề theo quy định, người biết nghề được bố trí theo năng lực, sở trường và thường xuyên được bổ túc, đào tạo thêm để không ngừng nâng cao tay nghề. CBCNV các phòng nghiệp vụ, cán bộ từ cấp tổ trở lên được cử theo học các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý.

Cơ cấu nhân sự (tính đến ngày 31/12/2019)

- Tổng số lao động của Công ty: **9.989** lao động

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Trong năm 2019, Công ty đầu tư vào nhà máy may SH10, được khởi công tại xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định với tổng mức đầu tư dự án 450 tỷ đồng.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Ngày 22 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/2019/HĐQT về việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần May Sông Hồng - Nghĩa Hưng, công ty con, với vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ VNĐ và tỷ lệ sở hữu là 51% tương đương với 76,5 tỷ VNĐ.

Công ty liên kết: Công ty không có công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2019	NĂM 2018	% TĂNG TRƯỞNG
Tổng tài sản	2.566,2	2.540,6	1,0%
Doanh thu thuần	4.411,3	3.950,8	11,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	545,5	450,3	21,1%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	32,7	12,9	153,2%
Lợi nhuận khác	1,0	-0,4	-334,5%
Lợi nhuận trước thuế	546,5	449,9	21,5%
Lợi nhuận sau thuế	449,8	369,8	21,6%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐƠN VỊ	NĂM 2019	NĂM 2018
Chỉ số khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,53	1,26
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,01	0,80
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,67	0,45
Chỉ số thanh toán nợ			
Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,52	0,63
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,08	1,72
Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,08	2,72
Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	70,21	70,18
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,20	5,20
Số ngày phải thu bình quân	Ngày	38,50	46,17
Vòng quay khoản phải thu bình quân	Vòng	9,48	7,90
Số ngày phải trả bình quân	Ngày	18,30	19,26
Vòng quay khoản phải trả bình quân	Vòng	19,94	18,95
Số ngày chuyển đổi tiền mặt	Ngày	90,41	97,10
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,73	1,61
Chỉ số khả năng sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	21,05	20,08
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	%	12,37	11,40
Tỷ suất LNTT	%	12,39	11,39
Tỷ suất LNST	%	10,20	9,36
ROAA	%	17,62	15,03
ROEA	%	41,47	43,79

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 50.009.400 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 50.009.400 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 50.009.400 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 46.970.280 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.039.120 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU/ VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	27.583.452	55,16%
2	- Trong nước	27.583.452	55,16%
	- Nước ngoài	-	0,00%
	Cổ đông khác	22.425.948	44,84%
3	- Trong nước	18.270.268	36,53%
	- Nước ngoài	4.155.680	8,31%
	TỔNG CỘNG	50.009.400	100,00%
	- Tổ chức	39.421.960	78,83%
Trong đó	- Cá nhân	10.587.440	21,17%

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/12/2019

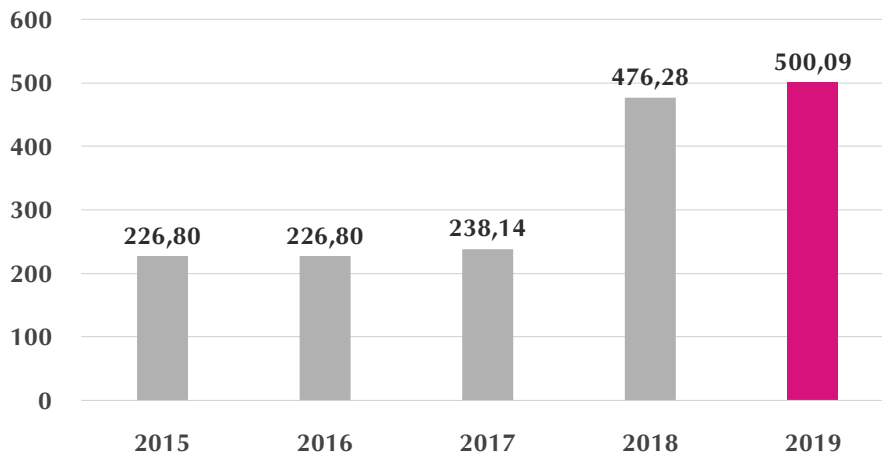
SỞ HỮU CỔ ĐÔNG LỚN

STT	CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC (TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL (%)
1	Bùi Đức Thịnh	11.729.280	23,45%
2	CTCP Chứng khoán FPT	6.480.000	12,96%
3	Bùi Việt Quang	5.675.040	11,35%
4	Nguyễn Thị Đào	3.699.132	7,40%

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/12/2019

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 2.381.400 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP để tăng vốn điều lệ Công ty từ 476.280.000.000 đồng lên 500.094.000.000 đồng. Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.



Thay đổi Vốn điều lệ qua các năm
(Đơn vị: Tỷ đồng)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được căn cứ trên định mức đề ra và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với nhóm sản phẩm Gia công: Khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm.
- Đối với nhóm sản phẩm FOB và Chăn - ga - gối - đệm: Doanh nghiệp chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng đầu vào, ưu tiên phát triển mạng lưới hợp tác với các nhà cung ứng nguyên vật liệu trong nước.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi tới môi trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng và giám sát quy trình sản xuất với các tiêu chuẩn chặt chẽ, tránh gây lãng phí và ô nhiễm.

NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chủ yếu là tiêu thụ điện năng do Công ty điện lực Nam Định cung cấp.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Công ty về “Cam kết không ngừng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường”. Vấn đề môi trường và việc tuân thủ luật môi trường luôn được Công ty chú trọng và thực hiện rất tốt. Cụ thể:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: Không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng nhân sự và thu nhập trung bình

- Số lượng nhân sự: Tính đến thời điểm 31/12/2019, toàn công ty có tổng cộng 9.989 lao động.
- Thu nhập trung bình: Năm 2019, thu nhập trung bình của người lao động tại công ty đạt 9,8 triệu đồng, tăng 34,1% trong giai đoạn 2015-2019.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.
- Công ty có hỗ trợ tài chính để giúp người lao động trang trải các khoản chi phí cuộc sống như tiền nhà trọ, tiền cầu/đò/phà, hỗ trợ tiền con nhỏ, cơm ca, hỗ trợ tiền xăng xe - đưa đón, hỗ trợ hòa nhập.
- Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và chế độ riêng của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV, khám sức khỏe đối với công nhân mới, khuyến học cho con người lao động và các chế độ khác).

Hoạt động đào tạo người lao động

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc dành thời gian chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.
- Công ty tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng điều hành, quản lý cho CBCNV.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

STT	HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019
1	Tặng quà cho các hộ nghèo tại 41 xã trong tỉnh Nam Định trong dịp Tết nguyên đán 2019
2	Tặng quà cho các cháu ở Cô nhi viện Thánh An Bùi Chu



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2019

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2019 là một năm tăng trưởng tốt của Công ty Cổ phần May Sông Hồng sau khi trải qua nhiều biến động và ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại của thế giới. Kết thúc năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 546,5 tỷ đồng, tương đương 115,1% so với kế hoạch năm đề ra. Trong khi đó, doanh thu thuần đạt 4.411,3 tỷ đồng, tương đương 102,6% kế hoạch năm. Các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng tích cực so với năm 2018, với lợi nhuận sau thuế tăng trưởng nhanh so với lợi nhuận trước thuế và doanh thu thuần, phản ánh tính hiệu quả của không chỉ chiến lược kinh doanh mà còn là kết quả của công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro được nghiên cứu và thực hiện chặt chẽ.

Bên cạnh đó tổng giá trị tài sản của Công ty không có biến động lớn, tăng nhẹ 1% so với năm 2018 và được duy trì ở mức sử dụng đòn bẩy tài chính thấp. Điều này là do Công ty chủ trương sử dụng nguồn vốn tự có để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nhằm giúp Công ty chủ động trong kế hoạch hoạt động, không chịu áp lực chi phí lãi vay và dễ dàng huy động vốn vay khi cần thiết. Kết thúc năm, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của Công ty đạt 9.113 đồng, giảm 10,9% so với số thực tế năm 2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng tài sản của Công ty là 2.566,2 tỷ đồng, tăng 25,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018. Trong đó, tác động lớn nhất lên Tổng tài sản đến từ khoản ghi nhận tăng đối với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đạt 611,2 tỷ đồng, tăng 26,1% so với năm 2018. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 39,9 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng trưởng 20,2%, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 93,9 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng âm 18,3%. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân đạt 17,6%, tăng nhẹ so với mức 15,0% vào năm 2018.

Về số dư trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, số dư tại thời điểm 31/12/2019 chiếm 4,8% tổng số dư phải thu ngắn hạn của Khách hàng. Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty là 12,4 tỷ đồng, giảm 29,9% so với giá trị ghi nhận từ đầu năm do Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng 5,2 tỷ đồng trong năm.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018	TĂNG TRƯỞNG	
				GIÁ TRỊ	%
I	Tài sản ngắn hạn	1.940,9	1.889,3	51,7	2,7%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	237,7	197,7	39,9	20,2%
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	611,2	484,7	126,6	26,1%
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	418,4	512,3	-93,9	-18,3%
	<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>-19,9</i>	<i>-10,36</i>	<i>-9,54</i>	<i>92,1%</i>
1.4	Hàng tồn kho	659,2	661,0	-1,9	-0,3%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	14,4	13,9	0,5	3,5%
II	Tài sản dài hạn	625,3	651,3	-26,0	-4,0%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	11,1	11,1	0,0	0,0%
2.2	Tài sản cố định	576,1	608,3	-32,2	-5,3%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	12,1	2,3	9,7	418,3%
2.4	Tài sản dài hạn khác	26,1	29,6	-3,6	-12,1%
III	Tổng cộng tài sản	2.566,2	2.540,6	25,6	1,0%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng các khoản Nợ phải trả của Công ty là 1.330,5 tỷ đồng, giảm 276,4 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018. Trong đó Nợ ngắn hạn giảm 235,8 tỷ đồng do số dư Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm mạnh 243,9 tỷ đồng. Số dư Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn so với năm 2018 đều giảm lần lượt là 15,7% và 40,0 % giúp cho cơ cấu tài chính tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018	TĂNG TRƯỞNG	
				GIÁ TRỊ	%
I	Nợ ngắn hạn	1.269,6	1.505,4	-235,8	-15,7%
1.1	Phải trả cho người bán	168,5	180,9	-12,4	-6,8%
1.2	Người mua trả tiền trước	34,0	48,9	-14,9	-30,5%
1.3	Thuế và các khoản phải nộp NN	22,1	27,5	-5,4	-19,7%
1.4	Phải trả người lao động	388,0	340,8	47,1	13,8%
1.5	Chi phí phải trả	158,1	154,9	3,2	2,0%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	25,2	51,4	-26,2	-51,0%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	431,8	675,7	-243,9	-36,1%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22,1	20,3	1,8	8,6%
1.9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	5	15,0	300,0%
II	Nợ dài hạn	60,8	101,5	-40,6	-40,0%
2.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	60,8	101,5	-40,6	-40,0%
III	Tổng nợ phải trả	1.330,5	1.606,9	-276,4	-17,2%

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức: Thông qua ĐHĐCĐ 2019, Công ty đã thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình có Ban kiểm soát sang mô hình không có Ban kiểm soát, trong đó, cơ cấu quản lý mới sẽ có sự tham gia của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị.

Công tác quản trị: Công ty tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP cùng các phần mềm quản trị tiến tiến làm tăng cao tính chính xác và kịp thời trong công tác quản lý sản xuất - kinh doanh, khai thác tối đa mọi nguồn lực của Công ty, triệt để tiết kiệm, chống tổn thất, lãng phí.

Trong năm, Công ty đã triển khai đánh giá lại, đổi mới, hoàn thiện và phổ biến quy trình về công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm cho các phòng ban cũng như ứng dụng quy trình mới để phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược, kiểm soát chặt chẽ các rủi ro của Ban lãnh đạo.

Công tác quản lý, đào tạo và phát triển nguồn lực: Nguồn nhân lực là một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp, công tác đào tạo và phát triển nguồn lực luôn được Công ty CP May Sông Hồng ưu tiên đề cao thực hiện. Tại Công ty CP May Sông Hồng, cán bộ công nhân viên thường xuyên được tiếp nhận đào tạo, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp tới công việc mà mình phụ trách.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Với sự bùng phát của dịch bệnh, năm 2020 được dự báo là một năm khó lường cho ngành Dệt may nói chung và May Sông Hồng nói riêng. Công ty tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo sự ổn định cho người lao động, nâng cao năng lực quản trị thông qua hoàn thiện hệ thống phần mềm và đào tạo.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI
MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT
ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhìn chung, trong năm Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Đại hội cổ đông thường niên 2019 đề ra trong khi tiếp tục duy trì cơ cấu nguồn vốn hợp lý và các chỉ tiêu an toàn tài chính ở mức lành mạnh. Kết quả này có được là một sự nỗ lực lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã đồng hành, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, theo dõi sát sao các diễn biến thị trường nhằm đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm tuân thủ đúng và đủ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước các diễn biến khó lường và có phần bất lợi của thị trường dệt may trong năm vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời đề ra các giải pháp ứng phó cũng như đưa ra những quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020 khởi đầu đầy khó khăn do tình hình dịch bệnh ngày một lan rộng với những hệ lụy ngày một lớn lên nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất nói riêng. Tình hình này đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ và những nỗ lực to lớn của toàn thể CBCNV công ty. HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc đạt được **những mục tiêu lớn của nhiệm kỳ 2019-2023**:

- Xây dựng Công ty Cổ phần May Sông Hồng ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang lớn và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP đầu các doanh nghiệp dệt may có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Việc triển khai các mục tiêu trên cho năm 2020 sẽ bao gồm các định hướng sau:

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch linh hoạt sẵn sàng ứng phó với sự lan rộng của dịch bệnh nhằm giảm thiểu thiệt hại.
- Đảm bảo ổn định đời sống của người lao động, ưu tiên đội ngũ công nhân.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho khối chuẩn bị sản xuất.
- Quản lý chặt chẽ nguồn vốn thông qua đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, kiểm soát nguồn cung ứng một cách khoa học, cân đối hợp lý các khoản đầu tư.

Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến để đảm bảo năng suất, chất lượng, và nâng cao hiệu quả quản trị.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT
(TỪ THÁNG 1/2019 ĐẾN 16/03/2019)

GIAO DỊCH VÀ THÙ LẠO CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ Tịch HĐQT	11.729.280	23,45%
2	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành Viên HĐQT	226.800	0,45%
3	Ông Bùi Việt Quang	Thành Viên HĐQT	5.675.040	11,35%
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	567.480	1,13%
5	Ông Bernard Szeto W.K	Thành Viên HĐQT độc lập	-	0,00%
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	-	0,00%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng tiểu ban kiểm toán	-	0,00%
2	Ông Đinh Tràng Thi	Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên tiểu ban kiểm toán	-	0,00%
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên tiểu ban	334.080	0,67%



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Tình hình tham dự các cuộc họp chính thức của HĐQT trong năm 2019

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ Tịch HĐQT	28/09/2014	8/8	100%	
2	Bà Lê Thị Hồng Yến	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	8/8	100%	
3	Ông Bùi Việt Quang	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	8/8	100%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành Viên HĐQT	28/09/2014	8/8	100%	
5	Ông Bernard Szeto W.K	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	5/5	100%	
6	Ông Đinh Tràng Thi	Thành Viên HĐQT độc lập	16/03/2019	4/5	80%	Lý do cá nhân

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2019 như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban Kiểm toán và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

Kết quả giám sát

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Tiểu ban kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Tiểu ban Kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Tiểu ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 03 năm 2019:

- Tiểu ban Kiểm toán tổ chức họp 01 lần vào ngày 16/03/2019 về ban hành quy chế hoạt động Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, phân công công việc cho các thành viên.
- Tiểu ban Kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan như Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán độc lập theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh.
- Tiểu ban Kiểm toán thảo luận và phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán nội bộ và tiếp tục giám sát việc Ban Điều hành thực hiện các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã ban hành.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	03/2019/HDQT (NQ)	22/01/2019	Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập công ty con Công ty CP May Sông Hồng - Nghĩa Hưng và thông qua cử người đại diện vốn góp của Công ty tại công ty con
2	03/2019/NQ-HDQT	25/01/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ và các vấn đề trình ĐHCĐ thông qua
3	20/HDQT/2019 (NQ)	04/03/2019	Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2018 và nội dung sẽ thông qua tại ĐHCĐ
4	33/HDQT/2019 (NQ)	16/03/2019	Thông qua bầu Chủ Tịch HĐQT, thành lập Tiểu ban kiểm toán, bổ nhiệm quản trị công ty
5	36/HDQT/2019 (NQ)	18/03/2019	Thông qua hồ sơ và phương án phát hành cổ phiếu ESOP
6	46/CVCT	13/05/2019	Thông qua việc niêm yết bổ sung 2.381.400 cổ phiếu trên SGD chứng khoán Tp HCM
7	52/2019/NQ-HDQT	20/05/2019	Thông qua KQKD quý I và lựa chọn đơn vị kiểm toán Grant Thornton
8	62/QĐCT	10/06/2019	Giải tỏa 50% số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ của cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTT trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết
9	99/2019/NQ-HDQT	29/08/2019	Thông qua KQKD 6 tháng đầu năm 2019 và thông qua báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2019
10	101/2019/NQ-HDQT	12/11/2019	Thông qua KQKD Q3 và 9 tháng đầu năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2019 (tỷ lệ và ngày chi trả dự kiến)
11	102/2019/NQ-HDQT	12/11/2019	Thông qua hình thức và thời gian tạm ứng cổ tức năm 2019

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ngoài các trách nhiệm được giao trong các tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập còn có những trách nhiệm sau:

- Tham gia quá trình tìm kiếm, phát triển khách hàng và mở rộng thị trường.
- Tham gia phân tích, đánh giá tính hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường kinh doanh.
- Tham gia tư vấn, hỗ trợ quản trị Công ty theo các thông lệ Quốc tế.

BAN KIỂM SOÁT TỪ THÁNG 1/2019 ĐẾN 16/03/2019**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	334.080	0.70%
2	Ông Triệu Công Trứ	Thành Viên BKS	89.920	0.19%
3	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành Viên BKS	35.120	0.07%

TÌNH HÌNH THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP CHÍNH THỨC CỦA BKS TRONG NĂM 2019

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng BKS	16/03/2019	2/2	100%	
2	Ông Triệu Công Trứ	Thành Viên BKS	16/03/2019	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành Viên BKS	16/03/2019	2/2	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

Ban kiểm soát cho rằng, các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận là khá tốt trong khối các công ty dệt may.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về việc cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận được tổng mức thù lao là: 2.960.941.571 đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CHỨC VỤ/ MỐI QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO THAY ĐỔI
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %	
1	Nguyễn Thị Bích Hải	Vợ PTGD	627.000	1,25%	327.000	0,65%	Chuyển nhượng 300,000 cổ phần
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ KTT	524.320	1,10%	453.320	0,95%	Chuyển nhượng 71,000 cổ phần
3	Nguyễn Song Toàn	Chồng Trưởng ban kiểm toán	0	0%	715.000	1,43%	Nhận chuyển nhượng 715,000 cổ phần
4	FPTS	GĐ Tư vấn tài chính doanh nghiệp là thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	6.480.000	12,96%	6.480.000	12,96%	Chuyển nhượng 0 cổ phần
5	FPTS	GĐ Tư vấn tài chính doanh nghiệp là thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	6.480.000	12,96%	6.480.000	12,96%	Chuyển nhượng 0 cổ phần

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2019, không có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

- Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Nghị định Số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/ndcp ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Luật Chứng Khoán số: 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2019, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin, định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông, xây dựng điều lệ và quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2019, Công ty tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và minh bạch từ sản xuất đến tài chính - kế toán, kết hợp với việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng ban, bộ phận.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Nội dung

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần May Sông Hồng (“Công ty”) và Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng (“Công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Bùi Việt Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên
Bà Lê Hồng Yến	Thành Viên
Ông Bernard Szeto W.K	Thành viên
Ông Đinh Tráng Thi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Việt Quang	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Tổng Giám Đốc

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty và Công ty con tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty và Công ty con hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và Công ty con, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Chỉ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty và Công ty con tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Đức Thịnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất
của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và Công ty con
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số 18-11-245-4

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") và Công ty con, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Các thông tin tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, bao gồm cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Nguyễn Tuấn Nam
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0808-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Địch Dũng
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 2484-2019-068-1
Kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	1.940.921.455.877	1.889.262.821.063
Tiền và các khoản tương đương tiền	6	110	237.680.135.635	197.739.255.036
Tiền		111	109.077.814.973	49.394.255.036
Các khoản tương đương tiền		112	128.602.320.662	148.345.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	611.244.162.116	484.689.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	123	611.244.162.116	484.689.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	418.428.321.467	512.278.520.514
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8	131	386.866.100.577	488.961.340.664
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9	132	45.652.514.059	27.858.863.749
Phải thu ngắn hạn khác	10	136	5.810.196.185	5.817.394.914
Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	11	137	(19.900.489.354)	(10.359.078.813)
Hàng tồn kho	12	140	659.188.669.836	680.653.442.926
Hàng tồn kho		141	671.635.278.826	698.310.534.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(12.446.608.990)	(17.657.091.642)
Tài sản ngắn hạn khác		150	14.380.166.823	13.902.102.587
Chi phí trả trước ngắn hạn	13	151	5.474.443.351	1.679.651.790
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	8.817.379.962	11.881.669.047
Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước		153	88.343.510	340.781.750
Tài sản dài hạn		200	625.290.224.260	651.328.967.119
Các khoản phải thu dài hạn		210	11.062.783.500	11.062.783.500
Phải thu dài hạn khác	10	216	11.062.783.500	11.062.783.500
Tài sản cố định		220	576.122.075.504	608.313.281.957
Tài sản cố định hữu hình	14	221	557.830.489.637	595.631.174.793
- Nguyên giá		222	1.393.716.105.369	1.320.470.996.276
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(835.885.615.732)	(724.839.821.483)
Tài sản cố định vô hình		227	18.291.585.867	12.682.107.164
- Nguyên giá		228	27.963.593.153	16.744.598.467
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(9.672.007.286)	(4.062.491.303)
Tài sản dở dang dài hạn		240	12.055.399.444	2.325.937.842
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	12.055.399.444	2.325.937.842
Tài sản dài hạn khác		260	26.049.965.812	29.626.963.820
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	26.049.965.812	29.626.963.820
Tổng tài sản		270	2.566.211.680.137	2.540.591.788.182

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	1.330.468.181.943	1.606.868.643.286
Nợ ngắn hạn		310	1.269.619.775.866	1.505.374.190.509
Phải trả người bán ngắn hạn	15	311	168.469.500.240	180.849.924.726
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	312	33.974.869.212	48.890.368.068
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	313	22.060.661.708	27.458.839.533
Phải trả người lao động	18	314	387.965.379.493	340.821.321.851
Chi phí phải trả ngắn hạn	19	315	158.103.339.240	154.930.574.396
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	25.205.705.251	51.400.215.721
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	320	431.786.042.345	675.723.466.044
Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	20.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	22.054.278.377	20.299.480.170
Nợ dài hạn		330	60.848.406.077	101.494.452.777
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	338	60.848.406.077	101.494.452.777
Vốn chủ sở hữu		400	1.235.743.498.194	933.723.144.896
Vốn chủ sở hữu	22	410	1.235.743.498.194	933.559.877.540
Vốn góp của chủ sở hữu	23	411	500.094.000.000	476.280.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	500.094.000.000	476.280.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	183.792.535.504	183.792.535.504
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	1.972.416.636	1.972.416.636
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	476.335.355.042	271.443.925.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	251.506.436.633	92.129.856.839
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	224.828.918.409	179.314.068.561
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422	71.000.000	71.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	73.478.191.012	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	-	163.267.356
Nguồn kinh phí		431	-	163.267.356
Tổng nguồn vốn		440	2.566.211.680.137	2.540.591.788.182

Nam Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	01	4.411.871.787.236	3.950.893.821.662
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	(619.023.385)	(67.105.662)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	4.411.252.763.851	3.950.826.716.000
Giá vốn hàng bán	27,32	11	(3.482.814.704.917)	(3.157.344.913.122)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	928.438.058.934	793.481.802.878
Doanh thu hoạt động tài chính	28	21	61.432.083.045	58.672.627.009
Chi phí tài chính	29	22	(28.749.456.247)	(45.762.927.549)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(22.555.989.911)	(33.763.704.660)
Chi phí bán hàng	30,32	25	(180.273.548.988)	(147.605.857.785)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,32	26	(235.356.819.389)	(208.438.705.276)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	545.490.317.355	450.346.939.277
Thu nhập khác		31	1.863.100.807	315.023.041
Chi phí khác		32	(818.610.511)	(760.450.601)
Lãi/(lỗ) khác		40	1.044.490.296	(445.427.560)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33	50	546.534.807.651	449.901.511.717
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	51	(96.689.027.413)	(80.075.443.156)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22	60	449.845.780.238	369.826.068.561
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	22	61	449.867.589.226	369.826.068.561
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	62	(21.808.988)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	70	9.113	10.232

Nam Định, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	546.534.807.651	449.901.511.717
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	117.872.780.232	116.944.157.367
Các khoản dự phòng		03	19.330.927.889	10.948.899.585
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	244.866.128	(10.053.049.609)
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(46.292.209.343)	(43.938.191.259)
Chi phí lãi vay		06	22.555.989.911	33.763.704.660
Các khoản điều chỉnh khác		07	-	118.490.908
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu		08	657.511.642.307	557.685.523.369
Thay đổi hàng tồn kho		09	87.150.054.901	(47.389.829.209)
Thay đổi các khoản phải trả		10	26.675.255.742	(128.549.157.438)
Thay đổi chi phí trả trước		11	(8.522.858.575)	58.965.718.369
Tiền lãi vay đã trả		12	(217.793.553)	21.333.054.896
Tiền lãi vay đã trả		14	(22.555.989.911)	(33.763.704.660)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(103.183.745.155)	(52.301.217.216)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(16.899.772.577)	(2.039.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	619.956.793.179	373.940.888.111
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(75.348.437.547)	(73.197.626.828)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22	600.000.000	93.080.366
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(1.268.295.766.595)	(780.689.500.000)
Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	1.141.741.104.479	598.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	48.427.729.504	43.829.096.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(152.875.370.159)	(211.964.950.174)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu				
		31	97.314.000.000	-
Tiền thu từ đi vay		33	2.571.483.817.848	2.451.512.225.571
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(2.855.880.625.169)	(2.589.140.579.170)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(240.056.482.000)	(170.748.140.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	(427.139.289.321)	(308.376.493.599)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	6	60	197.739.255.036	344.148.117.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	(1.253.100)	(8.306.746)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	6	70	237.680.135.635	197.739.255.036



Bùi Đức Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập biểu

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty và Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Công ty đã có 18 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600333307 thay đổi lần thứ 18 ngày 20 tháng 5 năm 2019 thì Vốn Điều lệ của Công ty tăng lên thành 500.094.000.000 VNĐ (bằng chữ: Năm trăm tỷ không trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Tổng số cổ phần là: 50.009.400 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Mã chứng khoán: MSH, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE").

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh thuốc lá điếu nội, rượu bia các loại và hóa mỹ phẩm;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty); và
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng (Không bao gồm môi giới, đấu giá sàn giao dịch bất động sản).

Trong năm 2019, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm.

Trụ sở chính của Công ty là tại số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam và văn phòng chi nhánh tại số 419A đường Ngô Gia Tự, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, công ty con được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0601175406 ngày 1 tháng 2 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 150 tỷ VNĐ được sở hữu 51% bởi Công ty. Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng có trụ sở chính đặt tại Đội 12, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất hàng may mặc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và Công ty con có 9.989 nhân viên (31 tháng 12 năm 2018: 10.496 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty và Công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần May Sông Hồng và báo cáo tài chính của Công ty con như trình bày ở Thuyết minh số 1.

Công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối và kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Công ty từ hoạt động của công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết và tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát đến ngày mất quyền kiểm soát. Chính sách kế toán của công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỉ lệ tương ứng với lợi ích mà Công ty không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con được thành lập. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con sẽ được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các thay đổi quyền sở hữu trong công ty con mà không dẫn đến việc đạt được hay mất đi quyền kiểm soát ở các công ty con được hạch toán theo phương pháp giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này thì khác biệt giữa khoản tiền đầu tư trả thêm hay giảm đi và tỷ lệ sở hữu thay đổi tương ứng trên giá trị ghi sổ tài sản thuần của công ty con sẽ được ghi nhận là giao dịch giữa lợi ích của các cổ đông của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ của công ty con ghi nhận trước đây được giữ nguyên.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý công ty con và giá trị ghi sổ còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả của công ty con này tại ngày thanh lý được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như khoản lãi, lỗ thanh lý công ty con. Giá trị còn lại của khoản đầu tư tại ngày thanh lý được tính toán theo phương pháp giá gốc.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và Công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức và các chi phí đền bù đất. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ các chi phí liên quan tới quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.10 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đảm bảo sử dụng đất đi thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty và Công ty con nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ (1) năm đến ba (3) năm.

4.12 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và Công ty con đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty và Công ty con sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Tổng Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.15 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty và Công ty con có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty và Công ty con không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam với văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và Công ty con có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và Công ty con và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty và Công ty con tại thời điểm báo cáo.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư XDCB của Công ty và Công ty con.

4.18 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.19 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và Công ty con được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản tiền gửi đáo hạn mà khi đó Công ty không thực hiện đáo hạn khoản tiền gửi trước hạn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/ Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.21 Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phụ lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.23 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty và Công ty con phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.24 Báo cáo theo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng và công ty con chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công hàng may mặc và sản xuất bông, thảm, chăn đệm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty Cổ phần May Sông Hồng và công ty con không lập báo cáo theo bộ phận.

4.25 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.26 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty và Công ty con tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.27 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Giao dịch góp vốn vào công ty con trong kỳ

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng

Ngày 22 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/2019/HĐQT về việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng, công ty con, với vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ VNĐ và tỷ lệ sở hữu là 51% tương đương với 76,5 tỷ VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký vào Công ty con.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	1.825.286.598	2.196.400.160
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.252.528.375	47.197.854.876
	109.077.814.973	49.394.255.036
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	23.000.000.000	148.345.000.000
Trái phiếu (ii)	105.602.320.662	-
	128.602.320.662	148.345.000.000
	237.680.135.635	197.739.255.036

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống với lãi suất 5,5%/năm.

(ii) Các khoản trái phiếu mua của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống với lãi suất 7,5%/năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2019		31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	375.500.000.000	-	484.689.500.000	-
Trái phiếu (ii)	235.744.162.116	-	-	-
	611.244.162.116	-	484.689.500.000	-

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất dao động từ 6,4%/năm đến 8,5%/năm.

(ii) Các khoản trái phiếu mua của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm với lãi suất dao động từ 7,3%/năm đến 8,5%/năm.

8. Phải thu của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Columbia Sportwear	38.082.005.313	98.215.391.325
Công ty TNHH New York & Company	47.688.899.794	75.609.141.535
Công ty TNHH Sae-A Trading Co., Ltd	11.428.479.452	59.356.217.331
Công ty TNHH G-III APPAREL GROUP	107.515.771.663	94.344.127.251
Công ty TNHH Haddad Apparel Group	83.716.208.642	56.286.277.079
Phải thu khách hàng khác	98.434.735.713	105.150.186.143
	386.866.100.577	488.961.340.664

9. Trả trước cho người bán

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	10.000.000.000	10.000.000.000
Khác	35.652.514.059	17.858.863.749
	45.652.514.059	27.858.863.749

10. Các khoản phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	443.751.490	256.995.476
Ký quỹ, ký cược	606.825.500	639.825.500
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	940.204.000	940.204.000
Khác	3.819.415.195	3.980.369.938
	5.810.196.185	5.817.394.914
Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	11.062.783.500	11.062.783.500
	16.872.979.685	16.880.178.414

11. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2019			31 tháng 12 năm 2018		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu thương mại quá hạn						
Tập đoàn Prime Apparel	27.867.508.458	8.387.874.096	19.479.634.362	27.795.468.367	17.672.551.366	10.122.917.001
Các khách hàng khác	420.854.992	-	420.854.992	236.161.812	-	236.161.812
	28.288.363.450	8.387.874.096	19.900.489.354	28.031.630.179	17.672.551.366	10.359.078.813

12. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2019		31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng mua đang đi đường	34.646.771.441	-	19.614.538.722	-
Nguyên liệu, vật liệu	224.957.920.451	(2.859.047.354)	276.511.017.133	(3.498.352.187)
Công cụ, dụng cụ	1.138.055.874	-	1.290.534.950	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.442.379.236	-	92.900.218.266	-
Thành phẩm	298.836.401.211	(9.587.561.636)	307.983.749.390	(14.158.739.455)
Hàng gửi bán	9.613.750.613	-	10.476.107	-
	671.635.278.826	(12.446.608.990)	698.310.534.568	(17.657.091.642)

Bao gồm trong thành phẩm và nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 5.859.836.992 VNĐ và 5.718.094.707 VNĐ (31 tháng 12 năm 2018: 5.542.811.032 VNĐ và 3.498.352.187 VNĐ) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Bao gồm trong giá trị thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 17.983.839.546 VNĐ (31 tháng 12 năm 2018: 13.662.938.976 VNĐ) đã được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Số dư đầu năm	17.657.091.642	16.625.184.312
Tăng dự phòng trong năm	-	1.031.907.330
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.210.482.652)	-
Số dư cuối năm	12.446.608.990	17.657.091.642

13. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.239.297.639	1.006.722.379
Chi phí khác	2.235.145.712	672.929.411
	5.474.443.351	1.679.651.790
Dài hạn		
Tiền thuê đất	18.081.615.745	18.570.308.065
Công cụ, dụng cụ	7.968.350.067	11.056.655.755
	26.049.965.812	29.626.963.820
	31.524.409.163	31.306.615.610

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2019	887.905.061.650	376.365.092.835	29.189.607.243	27.011.234.548	1.320.470.996.276
Mua trong năm	35.346.328.873	30.846.308.265	6.757.445.455	1.512.496.500	74.462.579.093
Thanh lý	-	-	(1.217.470.000)	-	(1.217.470.000)
31 tháng 12 năm 2019	923.251.390.523	407.211.401.100	34.729.582.698	28.523.731.048	1.393.716.105.369
Giá trị hao mòn lũy kế					
1 tháng 1 năm 2019	(422.316.592.264)	(263.519.038.806)	(18.853.809.987)	(20.150.380.426)	(724.839.821.483)
Khấu hao trong năm	(64.801.265.411)	(41.464.676.315)	(3.297.059.933)	(2.700.262.590)	(112.263.264.249)
Thanh lý	-	-	1.217.470.000	-	1.217.470.000
31 tháng 12 năm 2019	(487.117.857.675)	(304.983.715.121)	(20.933.399.920)	(22.850.643.016)	(835.885.615.732)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2019	465.588.469.386	112.846.054.029	10.335.797.256	6.860.854.122	595.631.174.793
31 tháng 12 năm 2019	436.133.532.848	102.227.685.979	13.796.182.778	5.673.088.032	557.830.489.637

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có các tài sản hình thành từ các khoản vay của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 369 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 289 tỷ VNĐ).

15. Phải trả người bán

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Nhân mặc và Bao bì Maxim Việt Nam	6.494.896.029	5.900.992.657
Công ty TNHH Formosa Taffeta	4.238.191.996	2.491.662.514
Công ty TNHH Promax Textile - Việt Nam	2.772.350.881	6.291.687.181
Công ty TNHH Thanh Dũng	8.085.400.626	9.991.498.396
Công ty YKK Việt Nam	2.580.356.130	5.246.039.113
Shang Hai Sunway International Ltd	-	5.246.522.495
Công ty TNHH Lectra Việt Nam	5.641.370.251	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thái Dương	5.836.330.600	1.995.382.264
Victory City Company Limited	10.130.726.119	-
Phải trả cho các đối tượng khác	117.682.169.346	126.312.617.257
	163.461.791.978	163.476.401.877
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh 35)		
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	5.007.708.262	17.373.522.849
	168.469.500.240	180.849.924.726

16. Người mua trả tiền trước

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thái Dương	14.513.769.329	14.742.682.049
Nhà phân phối sản phẩm chính thức Thịnh Sơn	2.346.298.092	6.651.937.672
Nhà phân phối sản phẩm Uân Nga	808.302.393	1.081.464.782
Nhà phân phối sản phẩm Tâm Khoa	2.379.200.890	2.086.487.470
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Nam Long	1.414.354.629	5.082.435.979
Các đối tượng khác	12.512.943.879	19.245.360.116
	33.974.869.212	48.890.368.068

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	722.187.529	694.899.919
Thuế nhập khẩu	359.053.115	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.653.589.983	25.966.536.357
Các loại thuế khác	325.831.081	797.403.257
	22.060.661.708	27.458.839.533

18. Phải trả người lao động

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lương phải trả người lao động	77.202.650.655	70.793.338.865
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	164.454.007.300	139.010.124.161
Tiền thưởng phải trả người lao động	146.308.721.538	131.017.858.825
	387.965.379.493	340.821.321.851

19. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn		
Chi phí tiền lương phép	31.565.711.170	27.611.899.810
Chi phí bảo hộ lao động	40.775.467.642	48.857.419.040
Chi phí cơm ca	55.833.818.001	37.857.600.000
Chi phí kỷ niệm thành lập 30 năm	625.418.018	14.470.239.471
Trích trước thưởng hoa hồng, doanh số	28.176.433.434	25.840.416.075
Khác	1.126.490.975	293.000.000
	158.103.339.240	154.930.574.396

20. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	768.180.217	2.362.300.170
Bảo hiểm xã hội	493.145.987	3.448.888.378
Bảo hiểm y tế	50.474.242	88.145.365
Bảo hiểm thất nghiệp	1.923.650	31.001.342
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (i)	2.665.915.112	13.651.384.207
Phải trả cổ tức	9.243.828.000	24.258.010.000
Phải trả ốm đau thai sản cho nhân viên	482.346.787	3.314.775.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.499.891.256	4.245.710.459
	25.205.705.251	51.400.215.721

- (i) Khoản phải trả Công ty TNHH May mặc Sông Hồng về phí kiểm tra hàng mẫu và chi phí hoạt động theo quy chế hoạt động của Công ty TNHH May mặc Sông Hồng (Thuyết minh số 35).

21. Vay và nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2019		Trong năm		31 tháng 12 năm 2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (i)	122.431.115.331	122.431.115.331	1.154.107.931.134	(1.464.088.090.704)	432.411.274.901	432.411.274.901
Vay USD - Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Định (ii)	-	-	35.664.228.380	(99.375.561.862)	63.711.333.482	63.711.333.482
Vay USD - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định (iii)	53.407.108.982	53.407.108.982	168.306.080.965	(149.843.063.328)	34.944.091.345	34.944.091.345
Vay USD - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (iv)	255.947.818.032	255.947.818.032	1.213.218.914.291	(1.047.933.332.195)	90.662.235.936	90.662.235.936
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(53.994.530.380)	53.994.530.380	53.994.530.380
	431.786.042.345	431.786.042.345	2.571.297.154.770	(2.815.234.578.469)	675.723.466.044	675.723.466.044
Vay dài hạn						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (v)	60.848.406.077	60.848.406.077	-	(81.283.550.700)	142.131.956.777	142.131.956.777
Vay USD - Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	-	-	-	(13.357.026.380)	13.357.026.380	13.357.026.380
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả						
Vay VND và USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (v)	-	-	-	40.637.504.000	(40.637.504.000)	(40.637.504.000)
Vay USD - Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	-	-	-	13.357.026.380	(13.357.026.380)	(13.357.026.380)
	60.848.406.077	60.848.406.077	-	(40.646.046.700)	101.494.452.777	101.494.452.777
	492.634.448.422	492.634.448.422	2.571.297.154.770	(2.855.880.625.169)	777.217.918.821	777.217.918.821

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/232413/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2019 có hạn mức tín dụng tối đa là 475 tỷ VNĐ, với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng (đến ngày 30/04/2020). Tài sản đảm bảo là toàn bộ các tài sản Bên vay, Bên thứ ba đã, đang và sẽ thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp ký kết với Ngân hàng tại mọi thời điểm (nếu có). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,3%/năm.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3200-LAV-201800927 ngày 8 tháng 6 năm 2018 có hạn mức tín dụng là 200 tỷ VNĐ. Mục đích vay để chi trả chi phí sản xuất phù hợp với đăng ký kinh doanh, hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 8 tháng 6 năm 2018. Các khoản cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 93,71% (tương đương 187.427.927.376 VNĐ) và có đảm bảo bằng tài sản là 6,29% (tương đương 12.572.072.624 VNĐ) với hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp và nghĩa vụ trả nợ của Công ty tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức này được đảm bảo bằng Hợp đồng đảm bảo số 200539/HĐTC ngày 18 tháng 5 năm 2005, phụ lục hợp đồng số 1-SH3/2017 ngày 14 tháng 2 năm 2017, Hợp đồng thế chấp số SH/HĐTCMMTB/2017 ngày 15 tháng 2 năm 2017 và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay khác được dẫn chiếu tới Hợp đồng này. Các khoản vay này chịu lãi suất 2,1%/năm đến 2,4%/năm. Khoản vay đã được thanh toán toàn bộ trong năm 2019.
- (iii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28521.18.775.2224835.TD ngày 31 tháng 12 năm 2018 có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD (bao gồm toàn bộ giá trị hạn mức cho vay, hạn mức phát hành L/C, hạn mức bảo lãnh và hạn mức chiết khấu). Với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất/gia công hàng dệt may xuất khẩu. Chi tiết về hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm và việc nhận tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Ngân hàng và Công ty hoặc bên thứ ba. Thời hạn cấp tín dụng từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các khoản vay này chịu lãi suất 3,3%/năm.
- (iv) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2018/VCB.NDI/8653913/CTD ngày 1 tháng 8 năm 2018 có hạn mức tín dụng là 230 tỷ VNĐ. Với mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 13 tháng từ ngày 13 tháng 7 năm 2018. Biện pháp đảm bảo được quy định theo hợp đồng cầm cố số 01/2018/HĐCC/8653913. Các khoản vay này chịu lãi suất 3%/năm.
- (v) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 27 tháng 5 năm 2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2017/232413/HĐTD tháng 2 năm 2017 có hạn mức cho vay là 240 tỷ VNĐ, cho vay bằng VNĐ và USD. Với mục đích vay là để đầu tư xây dựng dự án khu sản xuất tổng hợp Sông Hồng - Nghĩa Hưng tại xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Thời hạn cho vay là 7 năm tính từ ngày giải ngân lần đầu trong đó thời gian ân hạn là 1 năm. Hình thức đảm bảo vốn vay là toàn bộ các hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hợp đồng đảm bảo khác được ký kết giữa ngân hàng, bên đi vay và bên thứ ba ở mọi thời điểm. Khoản vay được hoàn trả hàng năm, trong vòng 7 năm với thời gian ân hạn 1 năm, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và lần trả cuối cùng là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay thực tế là 9,5%/năm (nếu giải ngân bằng VNĐ) và 5%/năm (nếu giải ngân bằng USD), điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (vi) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06-18.1.2016/HĐTD/TPBANK ngày 18 tháng 5 năm 2016 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 07-12.18.1/HĐTD/TBBANK ngày 12 tháng 7 năm 2016 có hạn mức tín dụng lần lượt là 100 tỷ VNĐ và 80 tỷ VNĐ. Với mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất hàng may mặc và chăn ga gối đệm (bao gồm cả thanh toán chi phí lương). Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 36 tháng từ ngày ký kết hợp đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất 3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số SH-PMC-160702 và Hợp đồng số 04/JK-SHND/2016 với giá trị lần lượt là 879.886 USD và 1.584.100 USD. Các khoản vay đã được hoàn trả toàn bộ trong năm.

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư XD CB VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2018	238.140.000.000	123.676.597.449	1.972.416.636	71.000.000	391.314.714.671	-	755.174.728.756
Phát hành cổ phiếu trong năm	238.140.000.000	-	-	-	(238.140.000.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	369.826.068.561	-	369.826.068.561
Chia cổ tức	-	-	-	-	(190.512.000.000)	-	(190.512.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	60.115.938.055	-	-	(60.115.938.055)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(928.919.777)	-	(928.919.777)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	476.280.000.000	183.792.535.504	1.972.416.636	71.000.000	271.443.925.400	-	933.559.877.540
Số dư, 1 tháng 1 năm 2019	476.280.000.000	183.792.535.504	1.972.416.636	71.000.000	271.443.925.400	-	933.559.877.540
Phát hành cổ phiếu trong năm	23.814.000.000	-	-	-	-	73.500.000.000	97.314.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	449.867.589.226	(21.808.988)	449.845.780.238
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(18.491.303.428)	-	(18.491.303.428)
Tạm ứng cổ tức (ii)	-	-	-	-	(225.042.300.000)	-	(225.042.300.000)
Các khoản khác (iii)	-	-	(1.442.556.156)	-	(1.442.556.156)	-	(1.442.556.156)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2019	500.094.000.000	183.792.535.504	1.972.416.636	71.000.000	476.335.355.042	73.478.191.012	1.235.743.498.194

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 2019/NQ-DHĐCD/MSH ngày 16 tháng 3 năm 2019.

(ii) Tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 102/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2019.

(iii) Chủ yếu bao gồm khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước theo biên bản thanh tra thuế trong năm.

23. Vốn góp chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31 tháng 12 năm 2019		31 tháng 12 năm 2018	
	VND	% Sở hữu	VND	% Sở hữu
Ông Bùi Đức Thịnh	117.292.800.000	23,45%	103.004.400.000	21,63%
Ông Bùi Việt Quang	56.750.400.000	11,35%	51.987.600.000	10,92%
Bà Nguyễn Thị Đào	36.991.320.000	7,40%	36.991.320.000	7,77%
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	64.800.000.000	12,96%	64.800.000.000	13,61%
Các cổ đông khác	224.259.480.000	44,84%	219.496.680.000	46,09%
	500.094.000.000	100,00%	476.280.000.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	476.280.000.000	238.140.000.000
Vốn góp tăng trong năm	23.814.000.000	238.140.000.000
Vốn góp cuối năm	500.094.000.000	476.280.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(225.042.300.000)	(190.512.000.000)

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2019		31 tháng 12 năm 2018	
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.009.400		47.628.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.009.400		47.628.000	
- Cổ phiếu phổ thông	50.009.400		47.628.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.009.400		47.628.000	
- Cổ phiếu phổ thông	50.009.400		47.628.000	

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	449.845.780.238	369.826.068.561
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	449.845.780.238	369.826.068.561
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	49.361.712	36.145.085
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	9.113	10.232

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
Gốc ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	4.144.798	568.408

26. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa	3.691.469.040.838	3.092.442.843.280
Doanh thu dịch vụ gia công	720.402.746.398	858.450.978.382
	4.411.871.787.236	3.950.893.821.662

27. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.849.553.082.561	2.424.806.669.646
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	633.261.622.356	732.538.243.476
	3.482.814.704.917	3.157.344.913.122

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	48.427.729.504	28.658.572.893
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	3.625.290.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.004.353.541	14.827.516.116
Lãi bán cổ phiếu ưu đãi cổ tức	-	11.561.248.000
	61.432.083.045	58.672.627.009

29. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	22.555.989.911	33.763.704.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.193.466.336	11.400.061.333
Chi phí tài chính khác	-	599.161.556
	28.749.456.247	45.762.927.549

30. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	6.858.937.428	3.618.725.877
Chi phí khấu hao	2.013.420.438	882.617.767
Chi phí nhân công	2.876.437.529	1.962.919.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.612.233.337	124.428.697.515
Chi phí bán hàng khác	18.912.520.256	16.712.897.195
	180.273.548.988	147.605.857.785

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.397.622.861	2.565.013.888
Chi phí khấu hao	24.360.243.112	26.590.109.229
Chi phí nhân công	107.490.690.604	69.410.629.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.778.203.896	77.416.456.459
Chi phí QLDN khác	42.330.058.916	32.456.496.125
	235.356.819.389	208.438.705.276

32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.158.250.091.693	1.754.017.614.039
Chi phí nhân công	1.327.864.102.002	1.101.385.439.881
Chi phí khấu hao	117.872.780.232	116.944.157.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.490.174.043	297.275.716.750
Chi phí khác	208.700.227.365	178.894.871.052
	4.176.177.375.335	3.448.517.799.089

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế.

Công ty con

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các quy định thuế hiện hành, mức thuế suất phổ thông giảm từ 25% xuống 22% cho 2 năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo.

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	546.534.807.651	449.901.511.717
<i>Các khoản điều chỉnh cho:</i>		
Có tức được chia không chịu thuế	-	(3.625.290.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước thực hiện trong năm nay	(2.441.532.983)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	489.054.322	2.441.532.983
Các chi phí không được trừ	1.638.550.979	1.520.450.601
Thu nhập tính thuế hiện hành ước tính	546.220.879.969	450.238.205.301
<i>Trong đó:</i>		
Lỗi của công ty con	(44.508.139)	-
Thu nhập tính thuế từ dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế suất (10%) (*)	125.640.502.087	99.721.979.044
Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi thuế theo thuế suất 20%	420.624.886.021	350.516.226.257
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	12.564.050.209	9.972.197.905
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	84.124.977.204	70.103.245.251
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	96.689.027.413	80.075.443.156

(*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc thực hiện đầu tư bổ sung và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất ("dự án đầu tư mở rộng") tại nhà máy Sông Hồng 9. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm và miễn 50% thuế TNDN phải nộp trong bốn (4) năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm từ hai dự án đầu tư mở rộng này theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Việc tính thuế TNDN còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 vì Công ty và Công ty con không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

34. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối	-	238.140.000.000
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	3.275.281.325	11.722.821.107

35. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty và Công ty con đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Công ty TNHH May mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ	65.174.449.595	82.466.003.617

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Phải trả người bán VNĐ	31 tháng 12 năm 2019	
			Phải thu khác VNĐ	Phải trả khác VNĐ
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	5.007.708.262	-	2.665.915.112

Các bên có liên quan	Quan hệ	Phải trả người bán VNĐ	31 tháng 12 năm 2018	
			Phải thu khác VNĐ	Phải trả khác VNĐ
Công ty TNHH May Mặc Sông Hồng	Công ty liên quan	17.373.522.849	-	13.651.384.207

36. Thù lao của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên chủ chốt như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Lương và các lợi ích khác	2.960.941.571	3.484.714.979

37. Cam kết

Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty và Công ty con cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang cho phí thuê đất như sau:

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
Trong năm tới	4.145.224.535	4.145.224.535
Từ 2 đến 5 năm	16.580.898.140	16.580.898.140
Sau 5 năm	98.215.230.070	102.360.454.605
	118.941.352.745	123.086.577.280

38. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty và Công ty con chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Công ty và Công ty con đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.23. Các rủi ro chính của Công ty và Công ty con là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các chính sách quản trị rủi ro của Công ty và Công ty con tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo dòng tiền ngắn đến trung hạn của Công ty và Công ty con bằng cách giảm thiểu các tác động từ thị trường tài chính.

Các rủi ro tài chính trọng yếu tác động đến hoạt động của Công ty và Công ty con được mô tả dưới đây.

38.1 Rủi ro thị trường

Công ty và Công ty con chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá do đặc thù hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty và Công ty con.

Biến động tỷ giá hối đoái

Hầu hết các giao dịch của Công ty và Công ty con được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Tác động của rủi ro tiền tệ phát sinh từ hoạt động mua bán với nước ngoài của Công ty và Công ty con, ngoài ra Công ty và Công ty con cũng có các khoản vay thực hiện bằng ngoại tệ chủ yếu bằng Đô la Mỹ ("USD").

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31 tháng 12 năm 2019 Tương đương VNĐ USD	31 tháng 12 năm 2018 Tương đương VNĐ USD
Tài sản tài chính	471.863.978.674	488.990.941.701
Nợ tài chính	(511.592.164.266)	(779.733.049.062)
Ảnh hưởng ngắn hạn	(39.728.185.592)	(290.742.107.361)
Tài sản tài chính	-	-
Nợ tài chính	(60.848.406.077)	(33.090.738.800)
Ảnh hưởng dài hạn	(60.848.406.077)	(33.090.738.800)

Bảng sau đây biểu thị sự nhạy cảm của kết quả hoạt động thuần trong năm và vốn liên quan đến tài sản và nợ phải trả tài chính dưới sự thay đổi của tỷ giá USD/VNĐ.

Giả sử có một sự thay đổi +/- 0,2% tỷ giá USD/VNĐ cho Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: +/-2%). Cả hai tỷ lệ này được xác định dựa vào sự biến động của thị trường tỷ giá bình quân trong 12 tháng trước đó. Việc phân tích sự nhạy cảm dựa vào các công cụ tài chính phái sinh bằng ngoại tệ mà Công ty và Công ty con nắm giữ tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và đánh giá tác động của hợp đồng kỳ hạn và tác động của thay đổi tỷ giá ngoại tệ.

Nếu USD tăng so với VNĐ tương ứng là 0,2% (năm 2018: 2%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Kết quả thuần trong năm	(160.922.547)	(5.181.325.539)
Vốn chủ sở hữu	(160.922.547)	(5.181.325.539)

Nếu USD giảm so với VNĐ tương ứng là 0,2% (năm 2018: 2%) thì điều này sẽ có những tác động sau đây:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Kết quả thuần trong năm	160.922.547	5.181.325.539
Vốn chủ sở hữu	160.922.547	5.181.325.539

Tác động tỷ giá ngoại tệ biến động giữa các năm phụ thuộc vào lượng giao dịch ngoại tệ. Tuy nhiên, phân tích ở trên được coi là đại diện cho rủi ro ngoại tệ của Công ty và Công ty con.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính hợp nhất với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và Công ty con có các khoản vay lãi suất cố định là 431.786.042.345 VNĐ và các khoản vay với lãi suất điều chỉnh định kỳ là 60.848.406.077 VNĐ; tuy nhiên, sự điều chỉnh lãi suất cho các khoản vay này trong năm không đáng kể. Ngoài ra, Công ty và Công ty con không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con.

38.2 Rủi ro tín dụng

Công ty và Công ty con đối mặt với rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được tóm tắt như sau:

	31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	31 tháng 12 năm 2018 VNĐ
Các nhóm tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	629.326.623.524	484.689.500.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	219.597.674.227	197.739.255.036
Phải thu thương mại và phải thu khác – Thuần	383.838.590.908	495.482.440.265
	1.232.762.888.659	1.177.911.195.301

Công ty và Công ty con liên tục theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty, và kết hợp thông tin này để kiểm soát rủi ro tín dụng. Chính sách của Công ty và Công ty con chỉ dùng cho các đối tác đáng tin cậy.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng tốt ngoại trừ các khoản đã được lập dự phòng phải thu khó đòi.

38.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty và Công ty con quản lý nhu cầu thanh khoản bằng cách theo dõi sát sao lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Nhu cầu thanh khoản được theo dõi trong các dải thời gian khác nhau.

Công ty và Công ty con duy trì một mức tiền và chứng khoán có thể bán được để đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Công ty và Công ty con có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn
	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ
31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	431.786.042.345	60.848.406.077	-
Phải trả người bán	168.469.500.240	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	613.328.702.361	-	-
	1.213.584.244.946	60.848.406.077	-
31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	675.723.466.044	101.494.452.777	-
Phải trả người bán	180.849.924.726	-	-
Nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	572.451.592.138	-	-
	1.429.024.982.908	101.494.452.777	-

39. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, so với giá trị sổ sách được trình bày dưới đây:

	31 tháng 12 năm 2019	31 tháng 12 năm 2018
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền và các khoản tương đương tiền	219.597.674.227	197.739.255.036
Các khoản phải thu – Thuần	383.838.590.908	495.482.440.265
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	629.326.623.524	484.689.500.000
	1.232.762.888.659	1.177.911.195.301
Nợ phải trả tài chính		
Nợ tài chính khác		
Phải trả người bán	168.469.500.240	180.849.924.726
Nợ phải trả tài chính khác	613.328.702.361	572.451.592.138
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	492.634.448.422	777.217.918.821
	1.274.432.651.023	1.530.519.435.685

Công ty và Công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

40. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại/điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu điều chỉnh lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền	197.739.255.036	(148.345.000.000)	49.394.255.036
Các khoản tương đương tiền	-	148.345.000.000	148.345.000.000
Hàng tồn kho	678.695.995.846	19.614.538.722	698.310.534.568
Phải thu dài hạn khác	3.760.816.000	7.301.967.500	11.062.783.500
Chi phí trả trước dài hạn	36.928.931.320	(7.301.967.500)	29.626.963.820
Phải trả người bán ngắn hạn	161.235.386.004	19.614.538.722	180.849.924.726

41. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoặc kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho Năm tài chính kết thúc cùng ngày.


42. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành.


Nam Định, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2020





Lê Văn Quang
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Người lập biểu





XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Đức Thịnh



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường
Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Số điện thoại: +84 2283 649365

Số fax: +84 2283 646737

Website: <https://www.songhong.vn/>